

BỘ TÀI CHÍNH**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/2007/TT-BTC

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2007

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA)**

Căn cứ các Luật, Pháp lệnh về thuế hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành các Luật, pháp lệnh thuế;

Căn cứ Điều 28 Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP ngày 09/11/2006 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức như sau:

I. CÁC QUI ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (dưới đây gọi chung là các dự án ODA), được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các từ ngữ được định nghĩa tại điểm 2, Điều 1 và Điều 4 của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ban hành kèm theo Nghị định số 131/2006/NĐ-CP, được sử dụng tại Thông tư này có nghĩa như đã được định nghĩa tại điểm 2, Điều 1 và Điều 4 của Quy chế nêu trên. Ngoài ra, trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- “Nhà thầu chính” là tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho dự án ODA. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.

- “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ dự án ODA hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.

3. Các loại thuế áp dụng đối với dự án ODA theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm: thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), phí và lệ phí.

II. CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA KHÔNG HOÀN LẠI

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hoá nhập khẩu:

Chủ dự án ODA không hoàn lại, nhà thầu chính thực hiện dự án ODA không hoàn lại không phải nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT đối với hàng hoá do Chủ dự án ODA, nhà thầu chính trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu để thực hiện dự án ODA.

Hồ sơ xuất trình với cơ quan hải quan nơi nhập khẩu hàng hoá bao gồm:

- Hồ sơ hải quan;
- Tờ khai xác nhận viện trợ có xác nhận của cơ quan Tài chính theo quy định tại Thông tư số 82/2007/TT-BTC ngày 12/7/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước;
- Bản sao Giấy báo trúng thầu kèm theo hợp đồng cung cấp hàng hoá trong đó có quy định giá trúng thầu không bao gồm thuế NK (đối với trường hợp tổ chức trúng thầu nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu hàng hoá).

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc không thu thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại.

2. Thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua tại Việt Nam:

2.1. Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

Ví dụ: Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại A đã được cấp có thẩm quyền duyệt ký hợp đồng thầu xây dựng công trình Bệnh viện Nhi với giá thầu

chưa có thuế GTGT là 4 tỷ đồng và thuế GTGT là 400 triệu đồng (thuế suất 10%), tổng trị giá bao gồm cả thuế GTGT là 4,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Chủ dự án nói trên được phê duyệt để ký hợp đồng thầu mua hàng hoá, dịch vụ khác với giá thầu chưa có thuế GTGT là 100 triệu đồng và thuế GTGT là 10 triệu đồng, tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT là 110 triệu đồng. Chủ dự án không được NSNN bố trí vốn đối ứng để thanh toán theo giá có thuế GTGT.

Chủ dự án ODA nói trên được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hoá, dịch vụ trong nước là 410 (400 + 10) triệu đồng.

2.2. Trường hợp Nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của Nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hoá, dịch vụ để thực hiện dự án ODA không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA không hoàn lại thì Nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

2.3. Trường hợp Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại đã được NSNN cấp vốn đối ứng để trả thuế GTGT trong quá trình thực hiện dự án thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT.

3. Thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

3.1. Thuế NK, thuế XK, thuế TTĐB, thuế GTGT đối với hàng hoá nhập khẩu:

a. Nhà thầu chính, nhà thầu phụ nhập khẩu hàng hoá trong quá trình thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại nộp thuế NK, thuế TTĐB (nếu có), thuế GTGT theo qui định của Luật thuế XK, thuế NK, Luật thuế TTĐB, Luật thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành (trừ hàng hoá nhập khẩu của nhà thầu chính nêu tại điểm 1 Mục II Thông tư này).

b. Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài được miễn thuế NK và không phải trả thuế GTGT đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải nhập khẩu vào Việt Nam theo phương thức tạm nhập, tái xuất để phục vụ thi công công trình của dự án ODA viện trợ không hoàn lại và được miễn thuế XK khi tái xuất.

Hồ sơ miễn thuế NK, không thu thuế GTGT khi nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế XK, thuế NK, quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.

Cơ quan hải quan tổ chức thực hiện việc miễn thuế NK, không thu thuế GTGT khâu nhập khẩu, miễn thuế XK khi tái xuất đối với máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài.

Khi kết thúc thời hạn thi công công trình, dự án, nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất hàng hoá nêu trên. Trường hợp nhượng bán tại thị trường Việt Nam phải được sự cho phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và phải kê khai nộp thuế NK, thuế GTGT theo qui định của pháp luật về thuế hiện hành.

Riêng đối với xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi và xe ô tô có thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng tương đương xe ô tô dưới 24 chỗ ngồi không áp dụng việc miễn thuế NK, thuế TTĐB theo hình thức tạm nhập, tái xuất. Các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có nhu cầu nhập khẩu vào Việt Nam để sử dụng phải nộp thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Khi hoàn thành việc thi công công trình, dự án các nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài phải tái xuất ra nước ngoài số xe đã nhập và được hoàn lại thuế NK, thuế TTĐB theo quy định. Mức hoàn thuế và thủ tục hoàn thuế được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 59/2007/TT-BTC ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế XK, thuế NK, quản lý thuế đối với hàng hoá xuất, nhập khẩu và Thông tư số 119/2003/TT-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 149/2003/NĐ-CP ngày 4/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TTĐB và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB.

3.2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hoá, dịch vụ tại Việt Nam:

Nhà thầu chính cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu phụ cung cấp hàng hoá, dịch vụ cho nhà thầu chính của dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

Nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam nếu nhận thanh toán trực tiếp từ Nhà tài trợ thì nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài có trách nhiệm chuyển tiền thuế phải nộp cho Chủ dự án ODA hoặc nhà thầu chính nước ngoài để nộp thuế thay cho nhà thầu chính nước ngoài, nhà thầu phụ nước ngoài theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11/01/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thuế áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

3.3. Cá nhân làm việc cho nhà thầu chính, nhà thầu phụ phải nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN.

3.4. Trường hợp Nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký

hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT thì Nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hoá, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điểm 4, Mục V Thông tư này.

Ví dụ: Công ty A ký hợp đồng với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại để xây dựng công trình trường học theo giá trúng thầu không bao gồm thuế GTGT là 4 tỷ đồng thì Công ty A được hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ mua vào phục vụ cho việc xây dựng công trình theo hợp đồng ký với Chủ dự án.

Nhà thầu chính phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào mua hàng hoá, dịch vụ để thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá, dịch vụ ký với Chủ dự án hoặc nhà tài trợ của dự án ODA viện trợ không hoàn lại. Trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào thì không được hoàn thuế GTGT.

4. Thuế TNCN đối với cá nhân làm việc cho Chủ dự án ODA và Ban quản lý dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

Cá nhân người Việt Nam và người nước ngoài làm việc cho dự án ODA, Ban quản lý dự án ODA thực hiện kê khai, nộp thuế TNCN theo quy định của pháp luật về thuế TNCN.

5. Ưu đãi thuế đối với chuyên gia nước ngoài làm việc cho các dự án ODA viện trợ không hoàn lại:

Trường hợp cá nhân là người nước ngoài được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy xác nhận là chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA, thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi về thuế, phí theo qui định của Quy chế chuyên gia nước ngoài ban hành kèm theo Quyết định số 211/1998/QĐ-TTg ngày 31/10/1998 của Thủ tướng Chính phủ thì được miễn thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT, lệ phí trước bạ và thuế TNCN như hướng dẫn tại Thông tư số 52/2000/TT-BTC ngày 5/6/2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thuế, lệ phí đối với chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA.

III. CHÍNH SÁCH THUẾ VÀ CÁC ƯU ĐÃI VỀ THUẾ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DỰ ÁN ODA VAY ƯU ĐÃI, VAY HỖN HỢP (DƯỚI ĐÂY GỌI CHUNG LÀ ODA VAY)

1. Thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB đối với hàng hoá nhập khẩu:

Chủ dự án ODA vay trực tiếp nhập khẩu hoặc uỷ thác nhập khẩu thực hiện nghĩa vụ thuế NK, thuế GTGT, thuế TTĐB theo qui định của Luật thuế XK, thuế NK, Luật thuế GTGT, Luật thuế TTĐB và các văn bản hướng dẫn thi hành.